

Bản án số: 107/2018/HS-PT
Ngày 15-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông

Bà Lưu Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 132/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Lê Đình C, Lê Văn H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo Lê Đình C và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2018/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Đình C, sinh năm 1986, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn 16, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số nhà 20H/10 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Đình T, sinh năm 1962 và bà Đậu Thị T, sinh năm 1962; có vợ tên Đậu Thị Tr, sinh năm 1984 và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 27/11/2017 đến ngày 23/4/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, được tại ngoại. Có mặt.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Lê Văn H, sinh năm 1985, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn 14, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn S, sinh năm 1957 và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; có vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1988 và có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 27/11/2017 đến ngày 09/02/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, được tại ngoại. Có mặt.

2. Trần Văn Q, sinh năm 1998, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn 16, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn H, sinh năm 1971 và bà Lưu Thị M, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn 12, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 và bà Lê Thị T, sinh năm 1958; tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có hai người bị hại và hai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 26/11/2017, Lê Văn H, Lê Đình H1 ở dãy nhà trọ địa chỉ 56 đường N8, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương gặp Lê Sỹ D (tên gọi khác: B), H nói D “thiếu nợ tiền người ta mà không đi làm trả nợ”, Trần Văn S từ trên lầu dãy ở trọ đi xuống hỏi “có chuyện gì vậy” dẫn đến H1 và S mâu thuẫn cãi nhau, H1 dùng tay đánh 01 cái vào mặt S thì được H can ngăn, S dùng tay đánh 01 cái vào đầu H rồi chạy vào quán tạp hóa khu nhà trọ, H chạy đuổi theo vật nhau với S, S nằm đè trên người H dùng răng cắn mặt H. H1 chạy lên lầu phòng trọ số 20 cùng dãy trọ nói với Lê Đình C, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q, Trần Văn H2, Hồ Đình Đ1 và người tên C1 (không rõ nhân thân) “thằng này đánh tao bay ời, xuống đánh chết tui nó cho tao” H1, Đ, Q, H2 và Đ1 đi xuống trước, C xuống sau cầm theo 01 dao nhọn, cán màu vàng dài khoảng 20cm. Lúc này, S bỏ chạy đến quán tạp hóa của anh Trần Thanh N (anh ruột S) đứng, H ôm chân ngồi dưới lòng đường Đ1, C và Đ đến đỡ H đứng dậy. H1 và S chửi nhau, H1 đến dùng tay kéo S ngã xuống đất. H1 cùng D, T (không rõ nhân thân) xông vào đánh S, H1 nói “đánh chết mẹ nó đi” lúc này Q, Đ, H, H2 xông đến dùng tay đấm S, S bị đánh đứng dậy đi lùi lại phía sau, C dùng dao mang theo đâm S 01 nhát vào phía sau lưng bên phải rồi rút dao ra làm dao gãy cán, C vút cán dao xuống đường, anh N cầm 01 tuýp sắt chạy đến thì Đ, C, H, Q, H2, H1, D, T bỏ chạy, S chạy vào quán anh N. H2 đi lên phòng ở trọ lấy 02 cò lê, đưa cho T 01 cò lê sau đó H2, T, C, H chạy đến tiệm tạp hóa anh N đập phá hàng hóa trong quán gây vỡ 05 chai bia Sài Gòn loại 370 ml; 01 tấm kính kích thước 1,2 m x 1,4 m, dày 5 ly.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0993/GDPY/2007 ngày 01/12/2017 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Vết thương thành sau ngực gây thủng ngực, tràn dịch màng phổi phải, đã phẫu thuật dẫn lưu màng phổi phải, hiện còn tràn dịch màng phổi phải lượng ít, tỷ lệ tổn thương cơ thể 20%.

- Vết thương thành sau ngực phải kích thước 2,5 cm x 0,2 cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể 1%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 21%. Vật gây thương tích là vật sắc nhọn.

Kết luận định giá tài sản số 355/BB.ĐG ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã D kết luận: 05 chai bia Sài Gòn đỏ trị giá 140.000 đồng; 01 tấm kính kích thước 1,2 m x 1,4 m, dày 5 ly trị giá 300.000 đồng, tổng trị giá 440.000 đồng.

Đối với Lê Đình H1 bỏ trốn, Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, ra quyết định truy nã. Người tên D, C1, T không xác định được nhân thân, đã bỏ trốn. Công an thị xã D tách ra xác minh xử lý sau.

Đối với Trần Văn H2, sinh ngày 25/02/2000 đến ngày 06/10/2005 đăng ký khai sinh. Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 15/ĐT.18 ngày 12/4/2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh xác định H2 có độ tuổi 15 tuổi 6 tháng đến dưới 16 tuổi ngày 12/4/2018. Ngày 26/11/2017, H2 cùng các đồng phạm gây thương tích cho bị hại S khi chưa đủ 16 tuổi, hành vi của H2 không phải chịu trách nhiệm hình sự. Công an thị xã D ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2018/HS-ST ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D tuyên bố các bị cáo Lê Đình C, Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Đình C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ

sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo Trần Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2018, bị cáo Lê Đình C kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 22/8/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D có quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS kháng nghị phần hình phạt đối với các bị cáo: Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q và Lê Văn H. Yêu cầu xét xử phúc thẩm sửa phần hình phạt theo hướng tăng nặng và không cho hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương thể hiện như sau:

Đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS ngày 22/8/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút toàn bộ quyết định kháng nghị đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q và Lê Văn H.

Đối với kháng cáo của Lê Đình C:

Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo bản án trong thời hạn quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo là đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo, bị cáo C thực hiện hành vi có tính chất côn đồ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo khi quyết định hình phạt là thiếu sót. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết có ông nội là liệt sĩ, ông ngoại là người có công với Cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là không nặng và Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên về phần hình phạt đối với bị cáo C.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đình C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trong lời nói sau cùng: Bị cáo C yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm lo gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS ngày 22/8/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa phúc

thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút toàn bộ quyết định kháng nghị đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q và Lê Văn H.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Đình C:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2018/HS-ST ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: 21giờ 30 phút ngày 26/11/2017, Lê Đình H1, Trần Văn S, Lê Văn H xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Sau đó, H1 gọi Lê Đình C, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q và Trần Văn H2, Hồ Đình Đ1 cùng người tên C1 (không rõ nhân thân) hỗ trợ. H1 cùng Dũng, Tuấn (không rõ nhân thân) xông vào đánh S, và gọi Q, Đ, H, H2 cùng xông đến đánh S cùng lúc đó C dùng dao mang theo đâm S 01 nhát vào phía sau lưng bên phải rồi rút dao ra làm dao gãy cán. Sau đó, H2 đi lên phòng trọ lấy 02 cờ lê và đưa cho T 01 cây. Sau đó, T, H2, C1, H đến tiệm tạp hóa của anh N đập phá hàng hóa trong quán gây vỡ 05 chai bia Sài Gòn loại 370 ml; 01 tấm kính có kích thước 1,2m x 1,4m, dày 5ly.

Qua kết quả giám định bị hại S bị thương tích 21%, thiệt hại tài sản qua định giá 440.000 đồng.

Như vậy, bị cáo C đã sử dụng dao dài 20 cm là người trực tiếp đâm 01 nhát trúng vào lưng phía sau bên phải của Trần Văn S, các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q sử dụng tay nắm bị hại S. Hậu quả của hành vi trên đã làm bị hại S bị thương tích 21%, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân thị xã D xét xử các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe bị hại Trần Văn S và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Đối với bị cáo C, về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Giữa bị cáo C và người bị hại S không có quen biết, trước khi xảy ra vụ án giữa hai bên cũng không có mâu thuẫn, nhưng bị cáo C lại vô cớ dùng dao đâm vào người bị hại, hành vi này thể hiện tính côn đồ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này khi quyết định hình phạt là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bồi thường cho người bị hại, khắc phục hậu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có một phần lỗi đánh bị cáo H trước; người bị hại S xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Đình C: Bị cáo C là người trực tiếp đâm bị hại gây thương tích. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như có ông nội tên Lê Đình C2 là người có công với Cách mạng, ông ngoại tên Đậu Xuân P là liệt sĩ. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là không nặng, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D đề nghị tăng hình phạt và không cho hưởng án treo đối với các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo C không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm a, đ khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận việc rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS ngày 22/8/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Q.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình C.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2018/HS-ST ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Đình C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/11/2017 đến ngày 23/4/2018.

Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2018).

Giao bị cáo Lê Văn H cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2018)

Giao bị cáo Trần Văn Q cho UBND phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo Lê Đình C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã D;
- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND phường B, tx.T, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã N, h.T, tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Văn Lộc